

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀO ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN HỮU TRANG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	848	298	277	273
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	719 (84.79%)	259 (86.91%)	210 (75.81%)	250 (91.58%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	94 (11.08%)	27 (9.06%)	45 (16.25%)	22 (8.06%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	25 (2.95%)	5 (1.68%)	19 (6.86%)	1 (0.37%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	10 (1.18%)	7 (2.35%)	3 (1.08%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	848	298	277	273
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	63 (7.43%)	17 (5.7%)	20 (7.22%)	26 (9.52%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	450 (53.07%)	152 (51.01%)	115 (41.52%)	183 (67.03%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	311 (36.67%)	124 (41.61%)	125 (45.13%)	62 (22.71%)

4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	24 (2.83%)	5 (1.68%)	17 (6.14%)	2 (0.73%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	848	298	277	273
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	838 (98.9)	295 (99%)	270 (97.47%)	273 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	63 (7.43%)	17 (5.7%)	20 (7.22%)	26 (9.52%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	448 (52.83%)	151 (50.67%)	114 (41.16%)	183 (67.03%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	20 (2.35%)	4 (1.34%)	16 (5.77%)	0 (0)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	10 (1.17%)	3 (1%)	7 (2.52%)	0 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/5	2	2	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	15 (1.76%)	4 (1.34%)	5 (1.80%)	6 (2.19%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				270
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				270

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				10 (3.7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				201 (74.44%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				59 (21.85%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				224 (82.05%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	473/375	179/119	153/124	141/132
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	308	192	109	93

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thiện Cang